TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 113/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 01tháng 4năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* chị H, sinh năm 1984;

Trú tại: Tổ 13, khu 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Tạm trú: Tổ 52, khu 4, phường Bạch Đằng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*anh Trần Ngọc T, sinh năm 1979;

Trú tại: Tổ 13, khu 2, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Trần Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn hợp pháp tạiỦy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hôn nhân đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc dẫn đến cuộc sống hôn nhân trầm trọng, căng thẳng. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H và anh T thống nhấtthuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Tùng L sinh ngày 20/02/2006 và Trần Tiến A, sinh năm 10/10/2007. Khi ly hôn hai bên thống nhất anh T nuôi dưỡng con chung Trần Tùng L đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị H nuôi dưỡng con chung Trần Tiến A đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vay nợ chung không có.

[4] Về lệ phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Tùng L sinh ngày 20/02/2006 cho anh Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Trần Tiến A, sinh ngày 10/10/2007cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh Trần Ngọc T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vay nợ chung không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền chị Hườngđã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000829 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủlệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Gia Ninh